



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 14 /HEID-CV
V/v: Công bố BCTC quý IV năm 2014

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

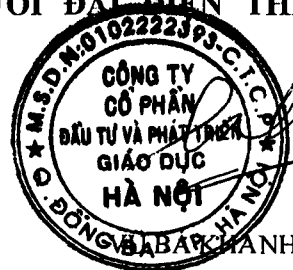
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính tóm tắt quý IV năm 2014 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 19/01/2015)
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu THHC



CÔNG TY: CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
 Địa chỉ: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội
 Tel: .0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838

Báo cáo tài chính
 Quý 4 năm tài chính 2014

Mẫu số: B02-DN

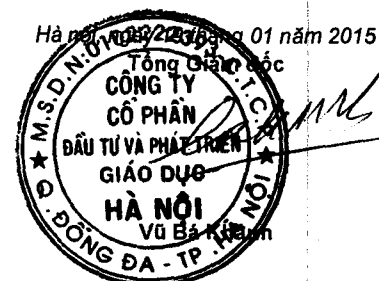
DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 4/2014

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4/2014	Quý 4/2013	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	50,334,167,822	45,374,842,341	373,114,836,534	377,975,971,879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		760,530,884	2,594,502,761	6,188,144,958	4,867,500,726
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		49,573,636,938	42,780,339,580	366,926,691,576	373,108,471,153
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	43,873,113,284	39,843,434,723	277,779,474,201	291,039,210,678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		5,700,523,654	2,936,904,857	89,147,217,375	82,069,260,475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	985,867,575	653,014,343	1,337,103,373	1,042,653,582
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1,251,127,421	-621,189,068	8,214,981,590	6,657,958,069
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,250,664,321	1,207,896,001	6,221,659,380	7,424,933,333
8. Chi phí bán hàng	24		3,364,379,346	4,442,558,893	30,137,951,991	26,245,340,609
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,082,203,047	3,591,312,518	15,728,113,283	15,986,407,901
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		988,681,415	-3,822,763,143	36,403,273,884	34,222,207,478
11. Thu nhập khác	31		237,714,470	8,934,511,311	237,714,470	8,949,093,711
12. Chi phí khác	32		422,755,828	4,534,986,961	441,055,828	4,566,262,970
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		-185,041,358	4,399,524,350	-203,341,358	4,382,830,741
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		803,640,057	576,761,207	36,199,932,526	38,605,038,219
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	92,148,335	748,260,667	7,861,186,573	4,865,306,360
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		711,491,722	-171,499,460	28,338,745,953	33,739,731,859
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		49	-12	1,945	2,316

Kế toán trưởng



Dương Thị Việt Hà



DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

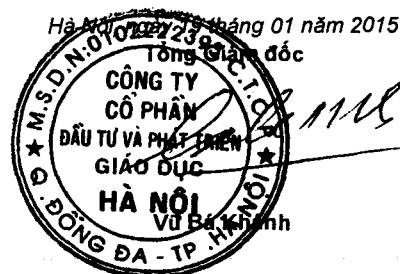
Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		201,003,857,883	168,442,955,969
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		47,830,445,562	22,189,462,599
1. Tiền	111	V01	27,830,445,562	9,189,462,599
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	13,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16,503,900	8,989,900
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V02	118,776,400	118,776,400
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-102,272,500	-109,786,500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55,155,828,799	56,537,924,073
1. Phải thu khách hàng	131		36,960,115,502	36,449,454,485
2. Trả trước cho người bán	132		23,351,203,439	24,672,932,340
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V03	387,188,032	490,191,586
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-5,542,678,174	-5,074,654,338
IV. Hàng tồn kho	140		86,567,656,389	73,816,392,001
1. Hàng tồn kho	141	V04	89,514,246,195	80,311,559,002
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-2,946,589,806	-6,495,167,001
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,433,423,233	15,890,187,396
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11,000,776,615	15,405,049,896
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V05	224,646,618	7,843,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		208,000,000	477,294,500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160,621,319,820	145,514,520,894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,100,000,000	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V07	4,100,000,000	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		5,148,497,092	3,345,598,227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V08	607,485,274	920,648,227
- Nguyên giá	222		3,742,595,211	3,742,595,211
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-3,135,109,937	-2,821,946,984
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V09	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V10	0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	4,541,011,818	2,424,950,000
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		142,605,750,000	141,993,750,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		125,000,000,000	125,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12,855,750,000	12,243,750,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13	4,750,000,000	4,750,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		8,767,072,728	175,172,667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V14	8,727,272,728	135,372,667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		39,800,000	39,800,000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		361,625,177,703	313,957,476,863
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		152,060,634,239	109,956,807,680

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Nợ ngắn hạn	310		152,060,634,239	99,956,807,680
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V15	88,858,069,358	54,425,076,734
2. Phải trả người bán	312		30,094,102,360	23,410,631,577
3. Người mua trả tiền trước	313		50,285,105	682,021,267
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V16	1,911,510,673	572,958,902
5. Phải trả người lao động	315		3,664,347,559	3,855,302,703
6. Chi phí phải trả	316	V17	3,878,550,201	2,656,004,108
7. Phải trả nội bộ	317		18,536,483,081	13,323,679,404
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V18	351,714,174	660,337,231
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4,715,571,728	370,795,754
II. Nợ dài hạn	330		0	10,000,000,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V20	0	10,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		209,564,543,464	204,000,669,183
I. Vốn chủ sở hữu	410		209,564,543,464	204,000,669,183
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,166,950	24,166,950
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		-3,200,876,950	-3,200,876,950
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8,827,741,301	7,062,829,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		19,929,672,995	13,721,825,214
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10,270,524,238	7,166,600,347
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23,713,314,930	29,226,124,622
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V22	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		361,625,177,703	313,957,476,863
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

Kế toán trưởng



Dương Thị Việt Hà



CÔNG TY: CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
 Địa chỉ: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội
 Tel: 0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838

Báo cáo tài chính
 Quý 4 năm tài chính 2014

Mẫu số : B 03-DN

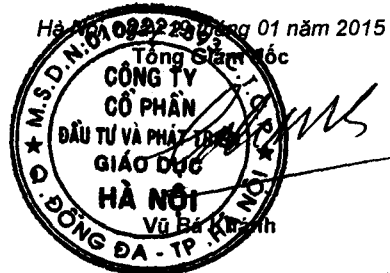
DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ 4/2014

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế năm 2014	Lũy kế năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		302,243,549,354	312,364,948,198
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-248,179,738,428	-256,483,127,126
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-18,025,963,456	-17,190,239,476
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-6,017,028,881	-7,451,859,030
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-8,041,690,024	-1,139,078,732
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6,810,675,659	11,046,997,077
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-9,926,745,990	-8,072,900,137
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18,863,058,234	33,074,740,774
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-2,116,061,818	-1,494,863,727
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-2,800,000,000	-9,243,750,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		292,853,373	1,089,903,582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-4,623,208,445	-9,648,710,145
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		205,912,126,609	199,703,587,219
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-181,479,133,985	-195,657,536,381
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-13,031,859,450	-27,328,980,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11,401,133,174	-23,282,929,162
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		25,640,982,963	143,101,467
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22,189,462,599	22,046,361,132
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		47,830,445,562	22,189,462,599

Kế toán trưởng



Dương Thị Việt Hà



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết toán từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2014

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3: Mã số doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 09 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành bộ trợ sách giao khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học , tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Nguyên tắc ghi nhận công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát sinh nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý 03 - 05 năm

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí bảo hiểm tài sản
- Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh lớn trong điều kiện doanh nghiệp không có lãi.
- Các chi phí hoạt động gắn liền với hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kì kế toán.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	544,777,304	494,513,806
Tiền gửi ngân hàng	27,285,668,258	6,462,264,805
Các khoản tương đương tiền	20,000,000,000	
	<u><u>47,830,445,562</u></u>	<u><u>6,956,778,611</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾	118,776,400	118,776,400
Đầu tư dài hạn khác		
- Cho Nhà Xuất bản Giáo dục vay		
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(102,272,500)	(101,809,400)
	16,503,900	16,967,000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Phải thu về lãi dự thu	38,750,000	-
Phải thu khác	348,438,032	757,440,252
- Phải thu tác giả Nguyễn Quốc Hùng	100,000,000	100,000,000
- Phải thu tác giả Nguyễn Song Hùng		6,187,494
- Phải thu các đối tượng khác	248,438,032	651,252,758
	387,188,032	757,440,252

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	38,069,277,557	31,069,749,552
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽¹⁾	3,625,427,683	2,560,717,188
Thành phẩm	16,319,408,255	17,096,731,684
Hàng hoá	27,197,463,841	28,805,502,178
Hàng gửi đi bán	4,302,668,859	3,743,752,973
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(2,946,589,806)	(7,222,388,008)
	86,567,656,389	76,054,065,567

⁽¹⁾Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị vật tư giấy đưa đi in gia công còn tồn tại các nhà in tại thời điểm lập Báo cáo tài chính - Công ty mẹ.

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽¹⁾	5,269,982,201	3,274,394,388
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	696,891	2,787,573
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	313,149,091	739,203,473
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bán chờ phân bổ ⁽²⁾	5,416,948,432	1,098,696,718
	<u>11,000,776,615</u>	<u>5,115,082,152</u>

⁽¹⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(giá vốn hàng bán + tồn kho cuối kỳ).

⁽²⁾ Trong đó, phí quản lý xuất bán được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của NXBGD-Việt Nam và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT		72,238,686
Thuế thu nhập cá nhân	216,803,618	294,448,266
Các khoản khác phải thu Nhà nước	7,843,000	10,843,000
	<u>224,646,618</u>	<u>377,529,952</u>

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Tạm ứng	208,000,000	153,540,000
	<u>208,000,000</u>	<u>153,540,000</u>

10 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	3,419,889,480	322,705,731	3,742,595,211
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3,419,889,480	322,705,731	3,742,595,211
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2,798,030,630	263,996,958	3,062,027,588
Số tăng trong kỳ	61,067,769	12,014,580	73,082,349
- Trích khấu hao	61,067,769	12,014,580	73,082,349
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,859,098,399	276,011,538	3,135,109,937
Giá trị còn lại			
Đầu kỳ	621,858,850	58,708,773	680,567,623
Cuối kỳ	560,791,081	46,694,193	607,485,274

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2014 VND	01/10/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4,541,011,818	4,216,011,818
- Dự án nhà kho tại xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ⁽¹⁾	4,241,011,818	3,916,011,818
- Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành sách giáo khoa ⁽²⁾	300,000,000	300,000,000
	4,541,011,818	4,216,011,818

⁽¹⁾ Theo hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/7/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²

Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan, Giấy chứng nhận quyền sử

- dụng lô đất do Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của khu đất tương ứng với tỉ lệ góp vốn/tổng mức đầu tư của dự án.

- Tại thời điểm 31/03/2014, Công ty đã góp số tiền là 2.174.950.000 VND

Theo biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao toàn bộ cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Đồng ý kết hợp với Công ty CP Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần sách Giáo khoa tại TP Hà Nội, công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND.

Trong 9 tháng đầu năm 2014, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 1.791.061.818 VND. Tại thời điểm 31/12/2014, tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án là 4.241.011.818 VND.

⁽²⁾Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa" với những nội dung sau:

- Địa điểm thực hiện tại: Ô đất D32 thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

- Diện tích ô đất là 4550 m²

Mục đích sử dụng đất: Xây dựng tòa nhà cao tầng để làm văn phòng bao gồm 2 khối (khối 1 có 5 tầng, khối 2 có 15 tầng) và 01 tầng hầm; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của công trình tương ứng với tỉ lệ góp vốn/tổng mức đầu tư xây dựng và hoàn thành công trình trong thời hạn 45 năm kể từ ngày hoàn thiện công trình;

Tổng vốn gop dự kiến: 220.000.000.000 VND, trong đó: Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại thời điểm 31/12/2014 là 300.000.000 VND

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	125,000,000,000	125,000,000,000
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125,000,000,000	125,000,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12,855,750,000	12,885,750,000
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	12,243,750,000	12,243,750,000
- Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục ⁽¹⁾	612,000,000	642,000,000
Đầu tư dài hạn khác	4,750,000,000	4,750,000,000
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục II	3,000,000,000	3,000,000,000
- Công ty CP Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750,000,000	750,000,000
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây ⁽¹⁾	-	-
- Viện Công nghệ Giáo dục	-	-
- Công ty CP Tia sáng mới	1,000,000,000	1,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-
	142,605,750,000	142,635,750,000

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Ti lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh BĐS

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40.24%	40.24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	22.47%	22.47%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị GD

⁽¹⁾Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2014/HĐCN ngày 08/03/2014 và Giấy Chuyển nhượng sở hữu Cổ phần ngày 08/03/2014, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã chuyển nhượng cho Công ty 60.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục với giá bán là 10.700 VND/CP.

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	88,858,069,358	61,301,971,542
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nội ⁽¹⁾	73,028,743,301	61,301,971,542
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam ⁽²⁾	15,829,326,057	-
- Vay tổ chức khác ⁽³⁾	-	-
	88,858,069,358	61,301,971,542

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ TDTMHH-HEID ngày 03/05/2013 giữa Bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội và bên đi vay là Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, với các điều khoản cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100 tỷ VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 20/04/2014;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh năm 2013;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 09 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp;

⁽²⁾ Hợp đồng tín dụng số 130000220577 ngày 31/07/2014 giữa bên cho vay là ngân hàng TMHH MTV SHINHAN Việt Nam với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 21.000.000.000 VND
- Thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng đến ngày 31/07/2015;
- Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 180 ngày;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là khoản phải thu luân chuyển

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,370,874,647	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	112,476,573	4,230,151,719
Thuế Thu nhập cá nhân	428,159,453	583,715,187
Các loại thuế khác	-	-
	1,911,510,673	4,813,866,906

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	101,883,916	-
Trích trước chi phí tăng công in	-	192,500,000
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản	1,900,031,011	3,235,652,225
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	730,811,463	4,754,173,300
Trích trước chi phí vận chuyển	1,000,823,811	-
Chi phí phải trả khác	145,000,000	1,913,547,500
	3,878,550,201	10,095,873,025

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	322,165,574	587,762,328
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011	-	-
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2010	-	-
Phải trả, phải nộp khác	29,548,600	221,346,482
- Phải trả, phải nộp khác	29,548,600	221,346,482
	351,714,174	809,108,810

17 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	-	-
- Vay ngân hàng công thương Việt Nam	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>

Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐ TDTM-HEID ngày 20/04/2012, với các điều khoản chi tiết sau

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: mua lại 100% vốn của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay cho hạn: Lãi suất thả nổi;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản của bên vay vốn, bao gồm:
 Toàn nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phố Thành Công, Phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội, giá trị tài sản đảm bảo: 87.959.857.253 VND.
 Quyền phải thu từ hợp đồng cho thuê văn phòng của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công
 Toàn bộ phần vốn góp của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, giá trị 110.000.000.000 VND.
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là: 0 VND.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	150,000,000,000	24,166,950	(3,200,876,950)	4,118,859,101	10,595,660,942	5,603,518,211	35,137,835,478	202,279,163,732
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	33,739,731,859	33,739,731,859
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	2,943,969,899	3,126,164,272	1,563,082,136	(7,633,216,307)	-
Trả cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	-	(18,939,180,000)	(18,939,180,000)
Tạm ứng cổ tức năm 2013 bằng tiền cho NXBGDVN	-	-	-	-	-	-	(8,389,800,000)	(8,389,800,000)
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4,689,246,408)	(4,689,246,408)
Lãi trong năm này	-	-	-	-	-	-	28,338,745,953	28,338,745,953
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	1,764,912,301	6,207,847,781	3,103,923,891	(11,076,683,973)	-
Trả cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-	(13,463,100,000)	(13,463,100,000)
Trả thù lao của HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	(3,103,923,891)	(3,103,923,891)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6,207,847,781)	(6,207,847,781)
Số dư cuối kỳ này	150,000,000,000	24,166,950	(3,200,876,950)	5,883,771,401	16,803,508,723	8,707,441,102	23,062,051,979	209,564,541,705

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/10/2014 VND
Nhà xuất bản giáo dục VN	37.29%	55,932,000,000	37.29%	55,932,000,000
Các cổ đông khác	59.84%	89,754,000,000	59.84%	89,754,000,000
Cổ phiếu quỹ	2.88%	4,314,000,000	2.88%	4,314,000,000
	100%	150,000,000,000	100%	150,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150,000,000,000	150,000,000,000
- Vốn góp đầu năm	150,000,000,000	150,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	150,000,000,000	150,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13,463,100,000	27,328,980,000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13,463,100,000	18,939,180,000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	8,389,800,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014 VND	01/10/2014 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,000,000	15,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,000,000	15,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	15,000,000	15,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	431,400	431,400
- Cổ phiếu phổ thông	431,400	431,400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14,568,600	14,568,600
- Cổ phiếu phổ thông	14,568,600	14,568,600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,000

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	50,158,756,022	45,111,232,551
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	6,110,678,452	1,782,047,023
- Doanh thu thiết bị giáo dục	1,157,711,947	946,895,670
- Doanh thu sách tham khảo	9,404,584,055	5,498,870,892
- Doanh thu lịch blog, vật tư và doanh thu khác	33,485,781,568	36,883,418,966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu bán hàng nội bộ	175,411,800	263,609,790
	50,334,167,822	45,374,842,341

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	664,564,334	2,469,639,236
Hàng bán bị trả lại	95,966,550	124,863,525
	760,530,884	2,594,502,761

21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	49,398,225,138	42,516,729,790
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	5,933,202,979	(585,067,802)
- Doanh thu thiết bị giáo dục	1,157,711,947	946,895,670
- Doanh thu sách tham khảo	8,821,528,644	5,271,482,956
- Doanh thu lịch blog, nhượng bán vật tư	33,485,781,568	36,883,418,966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	175,411,800	263,609,790
Doanh thu bán hàng nội bộ	-	-
	49,573,636,938	42,780,339,580

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa	43,873,113,284	39,843,434,723
- Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	(497,462,475)	2,279,248,469
- Giá vốn thiết bị giáo dục	180,493,951	750,354,259
- Giá vốn sách tham khảo	5,901,801,299	3,722,179,105
- Giá vốn lịch blog, nhượng bán vật tư	37,988,280,509	33,091,652,890
	43,873,113,284	39,843,434,723

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	108,367,575	146,764,343
Cổ tức, lợi nhuận được chia	877,500,000	506,250,000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	985,867,575	653,014,343

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	1,250,664,321	1,207,896,001
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	-
Dự phòng các khoản đầu tư	463,100	(1,838,937,162)
Chi phí tài chính khác	-	9,852,093
	<u>1,251,127,421</u>	<u>(621,189,068)</u>

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	803,640,057
Thuế TNDN phải nộp	92,148,335
Thuế TNDN được giảm (*)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành	<u>92,148,335</u>

(*) Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của Công ty có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Đồng thời, tại Công văn 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản thì các đơn vị thành viên của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam có thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản bằng việc thực hiện các công đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bản thì khoản thu nhập này được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10%.

Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và Hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN thì phần thu nhập nêu trên của Công ty chịu mức thuế suất 22%

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	711,491,722	(171,499,460)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	711,491,722	(171,499,460)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14,568,600	14,568,600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>49</u>	<u>(12)</u>

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30 . BẢO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2013 đến 31/12/2013.

Kế toán trưởng



Dương Thị Việt Hà

